

BÁO CÁO
Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Thực hiện nội dung Chương trình kỳ họp cuối năm 2025 của HĐND tỉnh khóa VIII; UBND tỉnh báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây viết tắt là THPTK, CLP) năm 2025 (*Số liệu thực hiện đến tháng 11/2025*), với các nội dung sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THPTK, CLP:

Thông qua phương tiện thông tin, cơ quan Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh được UBND tỉnh giao nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến về THPTK, CLP; các chủ trương, kế hoạch thực hiện công tác THPTK, CLP để cán bộ, Đảng viên và nhân dân biết, thực hiện.

Các cấp, các ngành, các địa phương đã tuyên truyền, giáo dục, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả, đẩy mạnh THPTK, CLP trên tất cả các lĩnh vực. Các cơ quan, đơn vị thường xuyên phổ biến, quán triệt, kiểm tra, nhắc nhở đến từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về công tác THPTK, CLP nhằm nâng cao nhận thức, ý thức của mỗi cá nhân thực hiện tốt công tác THPTK, CLP tạo sự chuyển biến tích cực ở mỗi cơ quan, đơn vị.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP:

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THPTK, CLP), UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định: Quyết định số 4127/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng

uuu

Bình về việc ban hành Chương trình tổng thể của UBND tỉnh Quảng Bình về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025; Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 tỉnh Quảng Trị yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, các địa phương thuộc tỉnh và các Công ty TNHH MTV thuộc tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, nghiên cứu và tổ chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ và bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định.

Căn cứ Kế hoạch, Chương trình THPTK, CLP năm 2025 của UBND tỉnh; các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các doanh nghiệp nhà nước đã ban hành chương trình THPTK, CLP năm 2025 của đơn vị, địa phương mình; đồng thời tổ chức quán triệt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của từng cơ quan, đơn vị, địa phương văn bản về THPTK, CLP mới được ban hành.

Nhìn chung, công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện khá đầy đủ ngay từ đầu năm 2025, làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị xác định các chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể đối với từng nhiệm vụ nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả.

II. Tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025

1. Trong phê duyệt dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)

Năm 2025, ngoài việc tiếp tục thực hiện các chính sách, định mức, tiêu chuẩn của Trung ương và địa phương đã ban hành còn hiệu lực, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về THPTK, CLP; thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về chế độ, tiêu chuẩn, định mức trong từng lĩnh vực, cập nhật kịp thời để tham mưu sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cho phù hợp, làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản, tài nguyên của Nhà nước được chặt chẽ, đảm bảo quy định của Luật THPTK, CLP. UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết liên quan đến định mức, tiêu chuẩn, chế độ để tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh trong năm 2025; các đề án, nghị quyết ban hành đảm bảo theo quy định của pháp luật và khả năng cân đối của ngân sách¹.

Thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2025; UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 cho các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã và ban hành các Quyết

¹ Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2025; số 93/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ); Nghị quyết số 215/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính; ...

định: số 3582/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố; số 2984/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; số 2985/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2025 cho các huyện, thành phố, thị xã và Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các xã, phường, đặc khu đảm bảo thời gian quy định.

Dự toán được xây dựng và giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trên cơ sở bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và nhiệm vụ, hoạt động trọng tâm của từng cơ quan, đơn vị; đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chuẩn, định mức theo quy định, tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Quốc hội, Chính phủ, HĐND tỉnh khi giao dự toán năm 2025 cho các Sở, ban ngành cấp tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã. Tổng số kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2025 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương đối với các đơn vị dự toán thuộc ngân sách tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố là 228.565 triệu đồng, trong đó tiết kiệm dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh: 79.503 triệu đồng; ngân sách huyện: 149.062 triệu đồng.

Thực hiện Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 về phạm vi, đối tượng tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025; UBND tỉnh đã ban hành các văn bản yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc thực hiện tiết kiệm, cắt giảm 10% chi thường xuyên ngân sách 7 tháng cuối năm 2025 theo quy định. Tổng số thực hiện tiết kiệm, cắt giảm 10% chi thường xuyên ngân sách năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ là: 82.500 triệu đồng, trong đó tiết kiệm dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh: 19.290 triệu đồng; ngân sách huyện, xã: 53.088 triệu đồng, nguồn chi chung chưa phân bổ: 10.122 triệu đồng².

Để đảm bảo thực hiện tốt công tác THPT, CLP, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao, bổ sung kịp thời cho ngân sách cấp dưới, đảm bảo đầy đủ nguồn đáp ứng các nhiệm vụ chi, chi tiêu đúng mục đích, đúng quy định của Nhà nước. Việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của các sở, ban ngành, UBND các cấp phải gắn với các biện pháp thực hành tiết THPT, CLP, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN từ khâu lập, thẩm định, phê duyệt phân bổ dự toán; quản lý, sử dụng kiểm soát chi và quyết toán NSNN chặt chẽ.

² Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình và Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Thực hiện Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 12/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, các cấp chính quyền địa phương đã chủ động, tích cực quán triệt và triển khai thực hiện, kịp thời giao kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 ngay từ đầu năm.

Trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã đã thực hiện nghiêm quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật trong tất cả các khâu: lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước.

Phân bổ dự toán đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, bảo đảm kinh phí để hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao theo quy định của pháp luật, đảm bảo kinh phí thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, nhiệm vụ mang tính đặc thù đã được bố trí trong dự toán. Đồng thời đảm bảo yêu cầu chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

UBND tỉnh đã phân khai các nguồn kinh phí, chương trình mục tiêu, phân bổ các khoản chi chung theo đúng các quy định hiện hành. Hạn chế cấp kinh phí ngoài dự toán, đảm bảo nguồn để chi cho các chế độ tăng thêm do Chính phủ quy định.

Các chế độ về an sinh xã hội, UBND tỉnh bổ sung cân đối các nguồn kinh phí để thực hiện các chế độ về an sinh xã hội như: Bảo hiểm y tế cho các đối tượng; miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP và Nghị định 132/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, ...

Rà soát, quản lý chặt chẽ để giảm mạnh các khoản chi chuyển nguồn, chỉ thực hiện chuyển nguồn đối với một số khoản chi còn nhiệm vụ và thật sự cần thiết theo đúng quy định của pháp luật. Đôn đốc các cơ quan, ban ngành và các địa phương thực hiện kết luận của thanh tra, kiểm toán, quyết toán ngân sách.

Việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục được triển khai thực hiện. Đối với các cơ quan hành chính, tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính. Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khai thác tốt các nguồn thu hợp pháp, quản lý chặt chẽ các khoản chi, tự cân đối chi tiêu, mua sắm, sửa chữa trong phạm vi dự toán

được giao, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tạo nguồn tiết kiệm để tăng thu nhập cho CBCC, VC và người lao động.

2. Trong thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025 của địa phương

Quản trịet chỉ đạo của Chính phủ, lãnh đạo tỉnh luôn xác định triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công đi đôi với dự án thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ chính trị quan trọng và là trách nhiệm của người đứng đầu cần phải tập trung ưu tiên lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Kế hoạch đầu tư công năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, cụ thể như sau:

- Tổng số vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh Quảng Trị được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định 1508/QĐ-TTg ngày 4/12/2024: 4.366.800 triệu đồng, cụ thể:

+ Quảng Trị cũ: 1.541.470 triệu đồng (Vốn tập trung trong nước: 439.570 triệu đồng; Thu tiền sử dụng đất: 900.000 triệu đồng; Vốn xố số kiến thiết: 45.000 triệu đồng, Bội chi ngân sách địa phương 156,9 tỷ đồng);

+ Quảng Bình cũ: 2.825.330 triệu đồng (Vốn tập trung trong nước: 443.230 triệu đồng; Thu tiền sử dụng đất: 2.048.000 triệu đồng; Vốn xố số kiến thiết: 82.000 triệu đồng, bội chi ngân sách địa phương: 252.100 triệu đồng);

- Kế hoạch vốn năm 2025, tỉnh Quảng Trị phân bổ: Sau khi hợp nhập 02 tỉnh, ngày 14/8/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 25/NQ-HĐND việc việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp (bao gồm cả vốn huyện lên tỉnh), trong đó Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh phân bổ: 4.759.095 triệu đồng, cụ thể:

+ Quảng Trị cũ: 2.321.611 triệu đồng, giao cao hơn so với số Thủ tướng chính phủ giao 780.141 tỷ đồng (Nguồn xố số tăng: 13.000 triệu đồng và nguồn thu tiền sử dụng đất tăng: 697.141 triệu đồng, nguồn khác tăng: 70.000 triệu đồng);

+ Quảng Bình cũ: 2.437.484 triệu đồng, giao thấp hơn so với số Thủ tướng Chính phủ giao 387.846 triệu đồng (Nguồn thu tiền sử dụng đất giảm: 530.888 triệu đồng do hựt thu tiền đất nên các huyện cũ giao thấp hơn, nguồn khác tăng: 143.042 triệu đồng).

- Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh: Ngày 28/10/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 34/NQ-HĐND điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý; trong đó đã điều chỉnh giảm kế hoạch vốn nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh quản lý năm 2025 là 247,262 tỷ đồng (Quảng Trị cũ) nhằm đảm bảo tính khả thi của kế hoạch theo tiến độ thực hiện nguồn thu.

Muu

Năm 2025, việc triển khai thực hiện và quản lý vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả. Ủy ban nhân dân tỉnh giao vốn sớm từ đầu năm để các chủ đầu tư chủ động triển khai thực hiện, việc bố trí vốn đảm bảo các tiêu chí, định mức phân bổ theo quy định; tập trung bố trí các công trình hoàn thành, quyết toán; bố trí cho các công trình chuyên tiếp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện; ưu tiên các công trình cấp bách, công trình trọng điểm có ý nghĩa tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các nguồn vốn bố trí trong kế hoạch đã tập trung hơn, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước. Việc quản lý các nguồn vốn chặt chẽ, đảm bảo công khai, minh bạch.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, phân đấu giải ngân cao nhất kế hoạch vốn được giao; Quán triệt sâu sắc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản³ chỉ đạo các sở ngành, địa phương, các chủ đầu tư đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công và thực hiện các thủ tục nghiệm thu, thanh toán quyết toán vốn đầu tư thực hiện theo đúng quy định. Đồng thời thành lập các Ban Chỉ đạo, các Tổ công tác của UBND tỉnh do các Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng để chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện. Các Tổ công tác của UBND tỉnh đã thường xuyên trực tiếp làm việc với các chủ đầu tư có tỉ lệ giải ngân thấp trên tinh thần tháo gỡ những "nút thắt", "điểm nghẽn" để tháo gỡ khó khăn vướng mắc⁴, đồng thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực tiếp làm việc với các chủ đầu tư để hướng dẫn, xử lý, đôn đốc hoàn thiện thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án.

Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện và giải ngân tương đối tốt, tuy nhiên vẫn chưa đảm bảo tiến độ theo yêu cầu. Tính đến tháng 11/2025, tổng giá trị giải ngân vốn đầu tư công kế hoạch 2025: 5.855 tỷ đồng, đạt 43,2% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đến nay (13.529 tỷ đồng) và đạt 57,5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm (10.167 tỷ đồng), trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương : 2.302 tỷ đồng, đạt 28,5% kế hoạch;
- Vốn ngân sách địa phương: 2.928 tỷ đồng, đạt 67,1% kế hoạch⁵.

³ - Tỉnh Quảng Trị (cũ): Chi thị số 01/CT-UBND ngày 20/01/2025; Thông báo số 46/TB-VP ngày 14/3/2025, số 73/TB-VP ngày 16/4/2025; Văn bản số 358/UBND-TH ngày 05/02/2025, số 683/UBND-TH ngày 28/02/2025, số 1341/UBND-TH ngày 04/4/2025, số 1372/UBND-TH ngày 05/4/2025, số 1925/UBND-TH ngày 06/5/2025

- Tỉnh Quảng Bình (cũ): Văn bản số 283/UBND-TH ngày 24/02/2025; số 452/UBND-TH ngày 24/3/2025; số 503/UBND-TH ngày 28/3/2025; số 934/UBND-TH ngày 13/5/2025; số 950/UBND-TH ngày 15/5/2025.

- Tỉnh Quảng Trị (mới): Văn bản số 571/UBND-TH ngày 19/8/2025; số 1004/UBND-TH ngày 19/9/2025; số 899/TB-UBND ngày 15/9/2025; số 1300/UBND-TH ngày 08/10/2025; số 3016/TB-VP ngày 08/10/2025; 3249/UBND-TH ngày 15/10/2025.

⁴ Yêu cầu chủ đầu tư báo cáo tình hình thực hiện, khó khăn vướng mắc kết quả giải ngân 2 ngày/1 lần;

⁵ Theo Báo cáo của Bộ Tài chính tại Văn bản số 616/BC-BTC ngày 07/11/2025 về tình hình phân bổ, giải ngân kế hoạch đầu tư công 10 tháng đầu năm 2025; các khó khăn vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025, tỉnh Quảng Trị giải ngân 5.164 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 41,5%, thấp hơn mức bình quân chung của cả nước (bình quân cả nước 54,5%) đứng thứ 7 từ dưới lên (hơn 4 tỉnh là Lai Châu, Lâm Đồng, Tuyên Quang, Cần Thơ, Cao Bằng, Đắk Lắk)..

- Vốn Chương trình MTQG: 624 tỷ đồng, đạt 58,1% kế hoạch.

Tuy vậy, quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trong 11 tháng đầu năm 2025 gặp một số khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến công tác giải ngân như: (1) Công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn⁶; (2) Thủ tục đầu tư theo quy định còn kéo dài⁷ (3) Năng lực một số đơn vị tư vấn, xây lắp còn hạn chế, ảnh hưởng đến tiến độ thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án; (4) Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 kéo dài sang năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh tương đối lớn⁸; (5) Một số khó khăn về phân cấp, phân quyền, giao chủ đầu tư, mở tài khoản kho bạc nhà nước... trong quá trình triển khai mô hình chính quyền 2 cấp ảnh hưởng đến công tác giải ngân vốn đầu tư công.

UBND tỉnh sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo, giải quyết các điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc, phân đấu giải ngân cao nhất kế hoạch vốn năm 2025 được giao.

3. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, phương tiện đi lại; việc rà soát, sắp xếp lại tài sản công

Thực hiện Kết luận số 121-KL/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả); Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025, Kết luận số 163-KL/TW ngày 06/6/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; để việc sáp nhập đơn vị hành chính theo mô hình địa phương 2 cấp bảo đảm đúng mục tiêu tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Thời gian qua, UBND tỉnh Quảng Trị đã khẩn trương tổ chức triển khai Luật, Nghị định của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, bám sát các hướng dẫn của Bộ Tài chính để chỉ đạo thực hiện sắp xếp, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính⁹. Cụ thể:

Ủy ban nhân dân 02 tỉnh tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị (trước sáp nhập) rất chú trọng việc sắp xếp các trụ sở, cơ sở nhà, đất đảm bảo cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Trị mới; thực hiện điều hoà (điều chuyển)

⁶ Luật Đất đai năm 2024 mới có hiệu lực thi hành, các quy định, hướng dẫn về công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn cũng được ban hành mới với nhiều nội dung thay đổi ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện GPMB của các dự án. Công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB phục vụ thi công dự án còn chậm do khó khăn trong việc xác định nguồn gốc đất, giá đất, tính pháp lý hồ sơ thửa đất; công tác dân vận, truyền thông để người dân đồng thuận với phương án bồi thường, tái định cư;... ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện dự án.

⁷ Thời gian này thường kéo dài từ 4 đến 6 tháng, do đó tiến độ giải ngân vốn của những dự án khởi công mới chỉ được đẩy mạnh vào những tháng cuối năm; Thủ tục gia hạn thời gian thực hiện dự án ODA kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân.

⁸ Với số tiền 1.3153.016,709 triệu đồng (Quảng Trị cũ: 418.619,216 triệu đồng; Quảng Bình cũ: 896.397,493 triệu đồng).

⁹ Công văn số 1744/UBND-TCTM ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai sắp xếp, bố trí xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính; Kế hoạch 84/KH-UBND ngày 04/4/2025 về việc xử lý đối với tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Quảng Trị; Công văn số 1627/STC-QLG&CS ngày 05/6/2025 về việc phương án bố trí, sắp xếp tài sản công khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình 02 cấp.

Muu

trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, huyện xã và cơ quan trung ương trên địa bàn có trụ sở dôi dư, thừa, thiếu diện tích so với tiêu chuẩn, định mức để bảo đảm tận dụng tối đa cơ sở vật chất, trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp sẵn có trên địa bàn; đối với các trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư sau khi đã bố trí, sắp xếp được thực hiện theo các hình thức xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó ưu tiên chuyển đổi công năng để làm cơ sở cho y tế, giáo dục, sử dụng cho các mục đích công cộng khác (tỉnh Quảng Bình phê duyệt tại các Quyết định: số 2179/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 về việc phê duyệt phương án bố trí, sắp xếp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Bình khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, số 2312/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 điều chỉnh Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 20/6/2025. Tỉnh Quảng Trị tại Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 về phương án sắp xếp, bố trí trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị, xã, phường sau sáp nhập).

Ngày 15/8/2025, UBND tỉnh Quảng Trị (mới) đã ban hành Kế hoạch số 518/KH-UBND về việc xử lý đối với tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp sau khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính. Đồng thời, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất dôi dư tại các Công văn số 389/UBND-TH ngày 15/10/2025 về việc rà soát, sắp xếp lại các cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh; Thông báo số 3658/TB-VP ngày 28/10/2025 về việc Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phan Phong Phú tại cuộc kiểm tra hiện trạng các cơ sở nhà, đất dôi dư trên địa bàn phường Đông Hà và phường Nam Đông Hà.

- Đối với tài sản công là cơ sở nhà, đất, trên cơ sở Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017, Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công (này là Nghị định số 03/2025/NĐ-CP của Chính phủ), UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch về việc triển khai sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị¹⁰. Theo đó, UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) đã ban hành 17 quyết định phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn. UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) đã ban hành 30 quyết định phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn.

Đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt phương án xử lý 4.902 cơ sở nhà, đất. Cụ thể:

- + Giữ lại tiếp tục sử dụng: 4.306 cơ sở;
- + Điều chuyển: 328 cơ sở;
- + Thu hồi: 05 cơ sở;
- + Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất: 70 cơ sở;

¹⁰ Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 17/01/2020 về triển khai sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- + Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý: 113 cơ sở;
- + Tạm giữ lại tiếp tục 80 cơ sở nhà, đất.

- Thực hiện Kế hoạch số 518/KH-UBND ngày 15/8/2025 về việc xử lý đối với tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp sau khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính. Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị và các địa phương, hiện nay, có 436 cơ sở nhà, đất cần tiếp tục xử lý khi sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Trong đó, đã thực hiện xử lý và có phương án phê duyệt là 66 cơ sở nhà, đất; Số còn lại đang rà soát đề đề xuất phương án xử lý (370 cơ sở nhà đất).

- Đối với xe ô tô, UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo số 514/UBND-TH ngày 14/8/2025; 519/UBND-TH ngày 15/8/2025 về việc sắp xếp, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung trên địa bàn cấp xã, cấp tỉnh của tỉnh Quảng Trị.

Đến nay đã tham mưu UBND tỉnh thực hiện thanh lý 30 xe ô tô của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, thực hiện bàn giao xe ô tô mua sắm mới cho 26 xã miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, UBND tỉnh.

4. THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên:

*** Về quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên:**

Quy hoạch tỉnh Quảng Trị (cũ) thời kỳ 2011-2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số: 1737/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, tỉnh Quảng Bình (cũ) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023.

Sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030 đã được tổ chức điều chỉnh cho 8/10 đơn vị cấp huyện tại tỉnh Quảng Trị (cũ) gồm: Thành phố Đông Hà, huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, Cam Lộ, Đakrông, Hướng Hóa (thị xã Quảng Trị, huyện Đảo Cồn Cỏ không phải điều chỉnh); tại tỉnh Quảng Bình (cũ) đã tổ chức điều chỉnh cho 08/08 huyện, thị xã, thành phố vào năm 2023 gồm: Thành phố Đồng Hới, thị xã Ba Đồn, huyện Minh Hoá, huyện Tuyên Hoá, huyện Quảng Trạch, huyện Bố Trạch, huyện Quảng Ninh, huyện Lệ Thủy và điều chỉnh cho 06/08 huyện vào năm 2025 sau khi có Luật Đất đai năm 2024 gồm: huyện Minh Hoá, huyện Tuyên Hoá, huyện Quảng Trạch, huyện Bố Trạch, huyện Quảng Ninh, huyện Lệ Thủy.

Kết quả thực hiện quy hoạch tỉnh như sau:

a) Đất nông nghiệp năm 2025 là 1.268.676,30 ha, quy hoạch đến năm 2030 1.124.778,0 ha, trong đó có một số loại chính như sau:

- Đất trồng lúa năm 2025 là 61.905,80 ha, quy hoạch đến năm 2030 54.969,42 ha, giai đoạn 2021-2025 đất trồng lúa giảm 979 ha so với hiện trạng năm 2020 (trong đó đất chuyên trồng lúa nước năm 2025 là 54091,88 ha, giai đoạn 2021-2025 giảm 397,27 ha so với hiện trạng năm 2020).

- Đất rừng đặc dụng năm 2025 là 210.299,52 ha, quy hoạch đến năm 2030 208.311,0 ha, giai đoạn 2021-2025 đất rừng đặc dụng tăng 728,80 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Đất rừng phòng hộ năm 2025 là 230.945,75 ha, quy hoạch năm 2030 231.590 ha, giai đoạn 2021-2025 giảm 312,94 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Đất rừng sản xuất năm 2025 là 477.842,84 ha, quy hoạch đến năm 2030 441.008, giai đoạn 2021-2025 đất rừng sản xuất tăng 6.120,44 ha (trong đó rừng sản xuất là rừng tự nhiên năm 2025 là 216.549,96 ha, giai đoạn 2021-2025 tăng 3.176,23 ha so với hiện trạng năm 2020).

Nhìn chung, các chỉ tiêu đất nông nghiệp năm 2025 so với chỉ tiêu đất nông nghiệp quy hoạch đến năm 2030 được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của tỉnh Quảng Bình là phù hợp với quy hoạch chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp, phù hợp với chuyển nội bộ đất nông nghiệp để phát triển kinh tế, xã hội.

b) Đất phi nông nghiệp năm 2025 là 105.662,45 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 130.919,99 ha, tăng 5.201.16 ha so với hiện trạng năm 2020, cụ thể một số chỉ tiêu chính:

- Đất quốc phòng năm 2025 là 5.461,62 ha, quy hoạch đến 2030 là 7.134,01 ha, giai đoạn 2021-2025 đất quốc phòng tăng 107,04 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Đất an ninh năm 2025 là 985,93 ha, quy hoạch đến 2030 là 2.546 ha, giai đoạn 2021-2025 đất an ninh tăng 8,61 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Đất ở nông thôn năm 2025 là 9.150,97 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 12.338,14 ha, giai đoạn 2021-2030 đất ở nông thôn tăng 452,10 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Đất ở đô thị năm 2025 là 3.119,01 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 5.280,47 ha, giai đoạn 2021-2025 đất ở đô thị tăng 347,11 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Đất khu công nghiệp năm 2025 là 863,83 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 4.172 ha, giai đoạn 2011-2025 tăng 318,97 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Đất năng lượng năm 2025 là 2.031,14 ha, quy hoạch năm 2030 là 3.997,85 ha, giai đoạn 2021-2025 đất năng lượng tăng 403,69 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Đất giao thông năm 2025 là 25.189,35 ha, quy hoạch năm 2030 là 28.021,09 ha, giai đoạn 2021-2025 đất giao thông tăng 2.640,52 ha so với hiện trạng năm 2020.

Các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp năm 2025 thấp hơn chỉ tiêu đất phi nông nghiệp năm 2030, phù hợp với định hướng quy hoạch tăng diện tích đất phi nông nghiệp trong các năm tới.

c) Đất chưa sử dụng năm 2025 là 24.231,60 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 14.301 ha, giai đoạn 2021-2025 giảm 5.413,07 ha.

Việc thực hiện quy hoạch tỉnh đảm bảo đúng quy định, đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ phân bổ, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm.

*** Về quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng:**

Với mục đích quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, ưu tiên rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, phòng hộ; quản lý, sử dụng tài nguyên rừng bền vững; góp phần bảo vệ môi trường, sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị gia tăng cao và thu nhập từ rừng; Các cấp chính quyền địa phương luôn quan tâm đến công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà UBND tỉnh xác định hàng năm để chỉ đạo các đơn vị, địa phương quán triệt, thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, phát huy vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (cũ) tập trung nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng; thường xuyên hướng dẫn, phối hợp với các đơn vị chủ rừng tăng cường tuần tra bảo vệ rừng tại gốc, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi phá rừng, khai thác, vận chuyển lâm sản, bắt bẫy động vật hoang dã trái pháp luật; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ rừng và PCCC của các chủ rừng, kịp thời xử lý các trường hợp thiếu trách nhiệm để xảy ra tình trạng xâm hại rừng trên địa bàn và trong lâm phần quản lý. Tham mưu tổ chức Hội nghị cấp tỉnh đánh giá kết quả thực hiện Chỉ thị 03/CT-UBND ngày 19/3/2019 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật và Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 06/6/2023 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo đối với việc xâm canh, xâm lấn đất rừng trên địa bàn tỉnh.

- Công tác khoán bảo vệ rừng và hỗ trợ bảo vệ rừng:

Năm 2025 các địa phương, đơn vị đã được bố trí kinh phí bảo vệ rừng với diện tích 422.733 ha (rừng đặc dụng 164.507 ha, rừng phòng hộ 110.439 ha, rừng sản xuất là rừng tự nhiên 147.786 ha).

Xử lý vi phạm về lâm nghiệp: Trong 10 tháng đầu năm đã phát hiện và lập biên bản xử lý 97 vụ, tịch thu 84,466 m³ gỗ các loại, 33 cá thể động vật rừng, thu nộp ngân sách nhà nước 867,612 triệu đồng.

Việc giao rừng tự nhiên cho người dân bảo vệ và hưởng lợi được xem là nhiệm vụ quan trọng mang nhiều ý nghĩa trên địa bàn tỉnh. Việc tổ chức giao rừng được thực hiện đúng quy định; các diện tích rừng sau giao được theo dõi, bảo vệ tốt không để xảy ra tình trạng lợi dụng nhận rừng để phá rừng, đã góp phần thực

hiện chủ trương xã hội hóa nghề rừng, nâng cao nhận thức của người dân trong công tác bảo vệ rừng; tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người dân.

- Công tác phát triển rừng:

Trồng rừng: Ước cả năm đạt 21.760 ha (trồng rừng đặc dụng, phòng hộ 454 ha; trồng rừng sản xuất 21.306 ha).

Chăm sóc rừng trồng: Diện tích rừng trồng được chăm sóc đạt 67.811 ha (rừng phòng hộ, đặc dụng 2.836 ha; rừng sản xuất 64.975 ha).

Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng: 91,0 ha; Trồng cây phân tán: Ước đạt 4,948 triệu cây.

- Công tác giao rừng: Bằng nguồn vốn từ ngân sách địa phương được quy định tại Nghị quyết 33/2023/HĐND ngày 28/3/2023 của HĐND tỉnh Quảng Trị ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ công tác QLBRV trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch giao rừng tự nhiên năm 2025 trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích 599,96 ha. Trong đó: Giao cho cộng đồng 500 ha rừng tự nhiên phòng hộ và sản xuất (huyện Hướng Hóa 181,0 ha, Đakrông 181,0 ha, Vĩnh Linh 138,0 ha); giao cho tổ chức 99,6 ha rừng tự nhiên đặc dụng cảnh quan (huyện Vĩnh Linh 99,96 ha).

- Công tác quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng

+ Về quản lý rừng bền vững: Toàn tỉnh hiện có 11 đơn vị đã được phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, bao gồm: (1) Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng: 109.371,45 ha; (2) Ban quản lý rừng đặc dụng Nam Quảng Trị: 60.926,16 ha; (3) Ban Quản lý Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong: 22.210,22 ha; (4) Ban quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa-Đakrông: 23.114,5 ha; (5) Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải: 31.027,07 ha; (6) Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch Hãn: 7.702,43 ha; (7) Ban Quản lý rừng phòng hộ Minh Hoá (KV rừng Tú Làn): 681 ha (8) Ban Quản lý rừng phòng hộ Quảng Ninh (cục bộ): 934 ha; (9) Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải: 5.787,2 ha; (10) Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Triệu Hải: 4.161,8 ha; (11) Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đường 9: 4.229,8 ha.

+ Về cấp chứng chỉ rừng:

Quảng Trị là một trong những địa phương đi đầu trong cả nước về thực hiện mô hình quản lý rừng bền vững gắn với việc cấp chứng chỉ rừng cho cả hai đối tượng là doanh nghiệp và hộ gia đình. Việc cấp chứng chỉ rừng đã góp phần nâng cao giá trị kinh tế của rừng, ổn định đầu ra cho các sản phẩm từ rừng, góp phần giải quyết nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến hàng hóa xuất khẩu đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế.

Sau sáp nhập, toàn tỉnh đã có 50.918 ha rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (trong đó năm 2025 là 12.918 ha) và dự ước đến hết năm 2025 sẽ có 58.594 ha rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (rừng trồng: 53.764 ha; rừng tự nhiên 4.830 ha).

Min

- Công tác khai thác gỗ rừng trồng: Với tiềm năng lớn về đất đai, hàng năm trên địa bàn tỉnh đã trồng mới và trồng lại trên diện tích khai thác khoảng trên 20.000 ha rừng sản xuất tập trung. Từ đầu năm 2025 đến nay, tổng sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng đạt 2,054 triệu m³ (đạt 100% kế hoạch). Với nguồn tài nguyên dồi dào về gỗ rừng trồng, trong những năm trở lại đây, lĩnh vực chế biến và thương mại sản phẩm gỗ được xem là động lực để phát triển kinh tế lâm nghiệp trở thành một ngành chủ lực, mũi nhọn của tỉnh nhà.

5. THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

* Công tác tổ chức bộ máy:

- Tổ chức sắp xếp các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh sắp xếp các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của từng ngành, lĩnh vực, từng địa phương.

Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Cấp tỉnh: Có 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (giảm 13 cơ quan), 02 tổ chức hành chính thuộc tỉnh (giảm 02 cơ quan), 101 phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (giảm 102 tổ chức); 08 phòng và tương đương thuộc tổ chức hành chính cấp tỉnh (giảm 05 tổ chức); 10 chi cục và tương đương (giảm 08), 01 Trung tâm PVHCC cấp tỉnh, 09 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh (giảm 04 đơn vị), 185 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (giảm 29 đơn vị)

+ Cấp xã: Chỉ đạo các xã thực hiện thành lập 233 cơ quan chuyên môn thuộc 78 xã, phường, đặc khu; 77 Trung tâm PVHCC cấp xã; Chuyển nguyên trạng 878 đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã về thuộc UBND cấp xã quản lý (giảm 19 đơn vị); thành lập 77 trung tâm Dịch vụ tổng hợp cấp xã để cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo đúng quy định.

- Về tổ chức phối hợp liên ngành: Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập: 77 Tổ chức phối hợp liên ngành; giải thể 07 Tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh theo đề nghị của các Sở; hướng dẫn về thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh.

* Về biên chế: Việc giao chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức và số lượng người làm việc trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được thực hiện kịp thời, đảm bảo phù hợp với yêu cầu tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần duy trì sự ổn định, tính liên tục trong hoạt động của bộ máy hành chính, nhất là sau khi sáp nhập, hợp nhất đơn vị hành chính các cấp và và tổ chức vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Việc quản lý và sử dụng biên chế cán bộ, công chức, số người làm việc đã được kiểm soát chặt chẽ, đúng với các quy định

mm

của Trung ương, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và kết thúc chính quyền cấp huyện đã giảm được 2.521 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức hưởng lương ngân sách nhà nước so với tổng số biên chế của 02 tỉnh trước khi sắp xếp (chưa bao gồm 382 biên chế công chức cấp huyện chưa sử dụng nằm trong tổng biên chế được Trung ương giao sau khi kết thúc chính quyền cấp huyện, biên chế Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh chuyển qua khối Đảng).

* Về vị trí việc làm:

Trên cơ sở chỉ đạo của Bộ Nội vụ về phương án bảo đảm nhân sự tại cấp xã; Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh quyết định phê duyệt tạm thời vị trí việc làm tại cấp xã trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, UBND cấp xã đang xác định nhiệm vụ cụ thể của từng vị trí việc làm theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và thực hiện việc sử dụng, quản lý biên chế công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt phù hợp với số biên chế công chức được giao của UBND tỉnh.

Hiện nay, Sở Nội vụ đang hướng dẫn các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng đề án vị trí việc làm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

6. THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:

Các doanh nghiệp đã xây dựng và thực hiện tốt Quy chế tài chính quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo công khai, dân chủ, làm căn cứ tổ chức quản lý và thực hiện trong việc sử dụng nguồn vốn và tham gia giám sát cán bộ, người lao động trong việc chấp hành các định mức chi tiêu tài chính của Công ty. Việc áp dụng giao khoán kinh phí cho các phòng ban nghiệp vụ cũng như các đơn vị Chi nhánh Xí nghiệp về định mức sử dụng điện thoại, văn phòng phẩm, điện sáng, xăng xe công tác, định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe ô tô ... đã tiết kiệm được các khoản chi trong hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế.

Việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản thực hiện theo quy chế hoạt động của doanh nghiệp gắn với việc THPTK, CLP, sử dụng tài sản, phương tiện, trang thiết bị làm việc đi vào nề nếp, việc mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị được thực hiện theo đúng quy định, hợp lý, phù hợp với yêu cầu công việc để thực hiện nhiệm vụ được giao, qua đó chi phí được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả hơn.

Thực hiện Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Chính phủ, tỉnh Quảng Bình (cũ) có 02 doanh nghiệp thuộc danh mục doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2024-2025 gồm: Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình, tỷ lệ thoái vốn là 16% vốn điều lệ và Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Quảng Bình, tỷ lệ thoái vốn là 14% vốn điều lệ; tỉnh Quảng Trị (cũ) có 02 doanh nghiệp thuộc danh mục doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2021-2025 gồm: Công ty Cổ phần Cảng Cửa Việt,

Muu

tỷ lệ thoái vốn là 96,96% vốn điều lệ và Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị, tỷ lệ thoái vốn là 22,624% vốn điều lệ.

Các Công ty đã thực hiện trình tự, thủ tục để thực hiện thoái vốn nhà nước, cụ thể:

- Công ty CP Môi trường & Phát triển đô thị Quảng Bình: Hiện đang thực hiện Kế hoạch chuyển nhượng vốn nhà nước tại Công văn số 2228/KH-UBND ngày 22/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) và đang thực hiện các bước tiếp theo của Kế hoạch chuyển nhượng vốn.

- Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Quảng Bình (nhà nước nắm giữ 14% vốn điều lệ): Thực hiện Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022- 2025 theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của chính phủ, Công ty thực hiện thoái vốn trong giai đoạn 2024-2025, tỷ lệ thoái vốn là 14% vốn điều lệ.

- Công ty Cổ phần Cảng Cửa Việt: Công ty đang thực hiện kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định 1479/2022/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ, tỷ lệ vốn nhà nước còn lại sau khi thoái vốn 0%. UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) đã phê duyệt kế hoạch chuyển nhượng vốn nhà nước tại Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 16/10/2024, hiện nay Công ty đang thực hiện các bước tiếp theo của Kế hoạch chuyển nhượng vốn.

- Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị: Công ty đang thực hiện kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định 1479/2022/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ, tỷ lệ vốn nhà nước còn lại sau khi thoái vốn 0%. Hiện nay, công tác triển khai thoái vốn tại Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị được UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) phê duyệt kế hoạch chuyển nhượng vốn nhà nước tại Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 và dự toán chi phí chuyển nhượng vốn nhà nước tại Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 17/01/2025.

Để hoạt động tốt công ty, ngoài chiến lược kinh doanh, các công ty còn ban hành nội quy lao động, quy định 5s, sáng kiến cải tiến để áp dụng vào công việc...Đã đưa ra nội dung kiểm tra, giám sát công tác THTK, CLP vào chương trình kiểm tra, giám sát hàng quý, hàng năm.

Cùng với Ban Kiểm soát, Ban Thanh tra nội bộ, Người quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp có trách nhiệm bảo toàn vốn, sử dụng vốn có hiệu quả, tránh đầu tư dàn trải gây lãng phí tiền và của của nhà nước và các cổ đông. Hàng năm có báo cáo tự đánh giá về quản lý vốn của nhà nước tại doanh nghiệp gửi UBND tỉnh.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Nuu

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp về công tác THTK, CLP; góp phần cắt giảm chi tiêu công đảm bảo có ý nghĩa trong điều kiện thu ngân sách khó khăn như năm 2025, phục vụ tốt công tác đảm bảo an sinh xã hội; thực hiện tốt các quy trình về công khai tài chính, kế hoạch đầu tư công, xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên rừng,...

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã làm tốt công tác THTK, CLP và đạt được kết quả nhất định, trên cơ sở đó thực hiện tốt các cơ chế quản lý về tài chính; đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan;

Việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về THTK, CLP được đẩy mạnh, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và toàn xã hội, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

Công tác quản lý nhà nước được tăng cường, phát huy tốt vai trò của các cơ quan tham mưu trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội góp phần hạn chế sai sót, tồn tại trong quản lý kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm các Đoàn kiểm toán, Thanh tra, kiểm tra thực hiện kiểm tra, giám sát và công khai kết quả kiểm tra quá trình quản lý ngân sách nhà nước của tỉnh. Theo kết quả của các Đoàn, nhìn chung quá trình thực hiện quản lý tài chính theo đúng quy định hiện hành, không gây thất thoát lãng phí.

2. Tồn tại, hạn chế:

Việc thực hiện các biện pháp THTK, CLP tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương hiệu quả chưa cao; xây dựng nội dung chương trình hành động, kế hoạch thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về tiết kiệm, chống lãng phí còn chung chung, chưa gắn trách nhiệm cụ thể.

3. Nguyên nhân:

Hệ thống chính sách, tiêu chuẩn, định mức, chưa đồng bộ, còn chồng chéo trong một số lĩnh vực.

Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa nhận thức được đầy đủ ý nghĩa, mục đích, tầm quan trọng của công tác THTK, CLP. Công tác xây dựng Chương trình, Kế hoạch THTK, CLP còn chưa cụ thể, chưa sát với thực tế và chưa phù hợp với nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

4. Bài học kinh nghiệm:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong THTK, CLP;
- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác báo cáo việc THTK, CLP cần chặt chẽ, hiệu quả;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc THTK, CLP tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

IV. Các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cần tập trung triển khai trong năm 2026

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về THTK, CLP:

Căn cứ chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, địa phương thực hiện Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 bám sát nội dung, mục tiêu, tiêu chí của Trung ương quy định.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, Chương trình THTK, CLP hằng năm của UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng Chương trình THTK, CLP của đơn vị, trong đó xây dựng cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu THTK, CLP để triển khai thực hiện; gắn với công tác thanh tra, kiểm tra thường xuyên; phân công rõ ràng trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị; đưa kết quả THTK, CLP là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai THTK, CLP tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

Căn cứ chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, địa phương thực hiện Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 bám sát nội dung, mục tiêu, tiêu chí của Trung ương quy định.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong THTK, CLP:

- Tiếp tục thông tin, phổ biến pháp luật về THTK, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THTK, CLP thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị quán triệt, tập huấn để tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong doanh nghiệp nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THTK, CLP; đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong THTK, CLP.

- Các Sở, Ban, ngành, địa phương tích cực phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan thông tấn, báo chí để thực hiện tuyên truyền, vận động về THTK, CLP đạt hiệu quả;

3. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực

- Tăng cường hướng dẫn về điều hành ngân sách cho các ngành, đơn vị, địa phương; Thực hiện tốt việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành đơn vị cổ phần, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp theo hướng dẫn của Chính phủ.

- Tổ chức điều hành dự toán ngân sách chủ động, chặt chẽ, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài chính, ngân sách; Tổ chức thực hiện tốt các quy định của Luật quản lý tài sản công, tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý tài sản công của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

Uua

- Tăng cường hướng dẫn về điều hành ngân sách cho các ngành, đơn vị, địa phương; Thực hiện tốt việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành đơn vị công nhân, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp theo hướng dẫn của Chính phủ.

- Tổ chức điều hành dự toán ngân sách chủ động, chặt chẽ, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài chính, ngân sách; Tổ chức thực hiện tốt các quy định của Luật quản lý tài sản công, tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý tài sản công của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định của Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tăng cường vai trò, trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư, khắc phục tình trạng chuẩn bị sơ sài và quyết định chủ trương đầu tư một cách cảm tính, hình thức, gây lãng phí, thất thoát, kém hiệu quả. Trong việc thẩm định trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phải thẩm định làm rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho từng chương trình, dự án cụ thể; bảo đảm dự án được phê duyệt có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện;

- Tập trung rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng đất; việc giao đất, cho thuê đất được thực hiện trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất ổn định lâu dài của các tổ chức hoặc các dự án đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích nhằm thực hiện tiết kiệm tài nguyên đất, tránh lãng phí trong sử dụng đất;

- Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

4. Tăng cường thực hiện công khai, nâng cao hiệu quả giám sát THTK, CLP:

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, nhất là đối với các lĩnh vực dễ phát sinh thất thoát, lãng phí.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước phải thực hiện trách nhiệm công khai theo đúng quy định của pháp luật, tập trung thực hiện công khai việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao theo quy định.

- Thủ trưởng các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị mình và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị cấp dưới trực thuộc.

- Phát huy vai trò giám sát của các tổ chức, đoàn thể trong cơ quan, đơn vị để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm về THPT, CLP. Tăng cường vai trò giám sát của người dân trong việc theo dõi, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư;

- Thực hiện công khai hành vi lãng phí, kết quả xử lý hành vi lãng phí theo quy định.

Trên đây là báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII kỳ họp thứ 5./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT- NS HDND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu; VT, TH. *TC*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Phong Phú

Phan Phong Phú